

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010 (NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	5
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	9
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	10
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	11
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	14

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

THÔNG TIN CHUNG

**Giấy phép phát hành
chứng chỉ Quỹ ra công chúng**

Số 05/UBCK-GCN cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ

Số 142/QĐ-SDGHCM cấp ngày 9 tháng 7 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

Số 14/UBCK-GCN cấp ngày 2 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.

Ban đại diện Quỹ

Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2010

Ông Thái Tấn Dũng
Ông Phan Ngọc Diệp
Ông Nguyễn Trường Giang
Ông Nguyễn Mạnh Hải
Ông Bùi Nguyên Quỳnh
Ông Vũ Trung Thành
Ông Lê Anh Tuấn

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Far East National Bank – CN TP HCM

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Central Plaza số 17 Lê Duẩn, Q1, TPHCM

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của Quỹ là không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Thái Tấn Dũng

Chủ tịch

Ngày 15 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam ("Quỹ") được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 15 tháng 2 năm 2011. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty quản lý Quỹ đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2660
Ngày 15 tháng 2 năm 2011

Lê Văn Hòa
Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ
A.	TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	27.902.428.673
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	188.386.801.700
130	3. Phải thu hoạt động đầu tư	3.3	8.405.000.000
131	4. Phải thu khác	3.4	1.555.956.257
200	TỔNG TÀI SẢN		226.250.186.630
B.	NGUỒN VỐN		
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		4.823.090.861
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.5	3.968.322.617
314	2. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		29.041.667
315	3. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.6	377.067.077
318	4. Phải trả khác	3.7	448.659.500
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		221.427.095.769
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư	3.8	240.437.600.000
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.9	(19.010.504.231)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		226.250.186.630

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá		50.125.590.000


Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN		
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư		4.415.869
11	1. Cổ tức được nhận		3.550.245.500
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		349.634.189
13	3. Lãi tiền gửi		6.737.161.697
14	4. Lỗ bán chứng khoán		(11.332.533.117)
18	5. Thu nhập khác		699.907.600
30	II. Chi phí		4.977.455.944
31	1. Phí quản lý Quỹ	3.11 (i)	3.352.066.711
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.11 (ii)	67.041.335
33	3. Phí hội họp, đại hội		460.468.507
34	4. Chi phí kiểm toán		150.111.500
38	5. Phí và chi phí khác	3.10	947.767.891
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		(4.973.040.075)

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
(tiếp theo)**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	2010 VNĐ
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập		3.885.891.975
61	1. Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư		3.885.891.975
70	II. Chi phí		17.923.356.131
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		17.923.356.131
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện		(14.037.464.156)
90	Lỗ trong kỳ		(19.010.504.231)



Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Mã số	Chi tiêu	2010 VNĐ
1	Tiền	27.902.428.673
2	Các khoản đầu tư	188.386.801.700
2.1	Trái phiếu	503.000.000
2.2	Cổ phiếu	187.620.857.500
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	187.620.857.500
2.3	Quyền mua cổ phiếu niêm yết	262.944.200
3	Cổ tức được nhận	919.671.000
4	Lãi được nhận	111.285.257
5	Phải thu bán chứng khoán	8.405.000.000
6	Phải thu khác	525.000.000
	Tổng tài sản	226.250.186.630
7	Phải trả giao dịch chứng khoán	3.968.322.617
8	Phải trả khác	854.768.244
	Tổng nợ	4.823.090.861
	Tài sản ròng của Quỹ	221.427.095.769
9	Tổng số đơn vị quỹ	24.043.760
10	Giá trị của một đơn vị quỹ	9.209



Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thanh Tâm
Giám đốc Tài chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

Mã số	Chỉ tiêu	2010 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	-
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ	
	Trong đó:	
1	Giá trị vốn góp trong kỳ	240.437.600.000
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(19.010.504.231)
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	<u><u>221.427.095.769</u></u>



Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

Stt	Chi tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			187.620.857.500	82,93
1	BCI	199.710	31.300	6.250.923.000	2,76
2	BVH	165.338	64.500	10.664.301.000	4,71
3	CTD	19.110	70.000	1.337.700.000	0,59
4	DBC	103.300	24.400	2.520.520.000	1,11
5	DIG	17.000	41.000	697.000.000	0,31
6	DPM	160.000	38.000	6.080.000.000	2,69
7	DRC	121.180	40.000	4.847.200.000	2,14
8	EIB	224.570	15.500	3.480.835.000	1,54
9	FPT	64.913	64.500	4.186.888.500	1,85
10	GMD	10.500	33.200	348.600.000	0,16
11	HAG	100.120	81.000	8.109.720.000	3,59
12	HBC	139.710	42.000	5.867.820.000	2,60
13	HDG	115.980	75.000	8.698.500.000	3,85
14	HPG	78.200	38.700	3.026.340.000	1,34
15	ITA	38.610	16.600	640.926.000	0,28
16	KBC	35.540	34.000	1.208.360.000	0,53
17	KDC	25.915	51.500	1.334.622.500	0,59
18	KLS	210.000	16.200	3.402.000.000	1,50
19	KSB	111.730	62.000	6.927.260.000	3,06
20	LCG	24.800	34.300	850.640.000	0,38
21	LSS	120.540	35.500	4.279.170.000	1,89
22	MSN	123.790	75.000	9.284.250.000	4,10
23	NTL	153.170	64.000	9.802.880.000	4,33
24	NTP	44.700	98.000	4.380.600.000	1,94
25	OGC	63.100	24.500	1.545.950.000	0,68
26	PET	186.920	17.200	3.215.024.000	1,42
27	PGD	750	36.000	27.000.000	0,01
28	PLC	24.061	37.000	890.257.000	0,39
29	POM	49.300	28.600	1.409.980.000	0,62
30	PVD	70.470	53.000	3.734.910.000	1,65
31	PVX	179.001	22.000	3.938.022.000	1,74
32	PXS	147.720	14.200	2.097.624.000	0,93
33	REE	67.260	17.700	1.190.502.000	0,53
34	S96	256.800	32.200	8.268.960.000	3,66
35	SD5	97.300	44.500	4.329.850.000	1,91

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
(tiếp theo)**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)				
36	SJS	27.600	61.500	1.697.400.000	0,75
37	SSI	18.000	32.000	576.000.000	0,26
38	TCM	4.356	23.500	102.366.000	0,05
39	TTF	226.325	17.500	3.960.687.500	1,75
40	VC2	18.000	43.000	774.000.000	0,34
41	VCB	110.000	32.500	3.575.000.000	1,58
42	VCS	7.000	33.100	231.700.000	0,10
43	VIC	24.950	97.500	2.432.625.000	1,08
44	VMC	125.300	54.500	6.828.850.000	3,02
45	VNA	139.800	15.100	2.110.980.000	0,93
46	VNF	153.900	40.000	6.156.000.000	2,72
47	VNM	102.600	86.000	8.823.600.000	3,90
48	VNS	97.300	30.300	2.948.190.000	1,30
49	VPL	45.220	42.200	1.908.284.000	0,84
50	XMC	310.800	21.300	6.620.040.000	2,93
II	Trái phiếu			503.000.000	0,22
1	Trái phiếu chuyển đổi REE	503	1.000.000	503.000.000	0,22
III	Quyền mua cổ phiếu niêm yết			262.944.200	0,12
1	Quyền mua cổ phiếu DBC	35.533	7.400	262.944.200	0,12
IV	Các tài sản khác			9.960.956.257	4,40
1	Cổ tức được nhận			919.671.000	0,41
2	Phải thu trái tức			16.757.479	0,01
3	Phải thu lãi tiền gửi			94.527.778	0,04
4	Phải thu bán chứng khoán			8.405.000.000	3,71
5	Phải thu khác			525.000.000	0,23

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

MẪU SỐ B 07 - QĐT

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
(tiếp theo)**

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường	Tổng giá trị	Tỷ lệ%/
			tại ngày 31.12.2010 VNĐ	VNĐ	Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
V	Tiền			27.902.428.673	12,33
1	Tiền gửi ngân hàng			27.902.428.673	12,33
VI	Tổng giá trị danh mục			226.250.186.630	100,00



Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 14 đến trang 25 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM**

Quỹ Đầu Tư Năng động Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 05/UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 5 năm theo Quyết định số 14/UBCK-GCN ngày 2 tháng 4 năm 2010 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 142/QĐ-SGDHCM ngày 9 tháng 7 năm 2010 của UBCKNN.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên. Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“FENB”) giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho Quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả kinh doanh theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Niên độ kế toán tiếp theo bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày định giá có liên quan.

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 Vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

2.7 Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	2010 VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Far East National Bank	3.902.428.673
2. Tiền gửi có kỳ hạn:	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	8.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	10.000.000.000
Ngân hàng Far East National Bank	2.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	4.000.000.000
	<u>27.902.428.673</u>

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty này và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lãi/(lỗ) do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2010 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	201.921.265.856	(14.300.408.356)	187.620.857.500
Trái phiếu chuyển đổi	503.000.000	-	503.000.000
Quyền mua cổ phiếu niêm yết	-	262.944.200	262.944.200
	<u>202.424.265.856</u>	<u>(14.037.464.156)</u>	<u>188.386.801.700</u>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.3 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

3.4 Phải thu khác

	2010 VNĐ
Phải thu lãi trái phiếu	16.757.479
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	94.527.778
Phải thu cổ tức	919.671.000
Phải thu khác (*)	525.000.000
	1.555.956.257

(*) Phải thu khác thể hiện khoản đặt cọc 10% đấu giá mua 500.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.

3.5 Phải trả hoạt động đầu tư

	2010 VNĐ
Phải trả mua chứng khoán (*)	3.801.340.000
Phí môi giới phải trả	166.982.617
	3.968.322.617

(*) Các khoản phải trả mua chứng khoán thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	2010
	VNĐ
Phí quản lý Quỹ	369.673.605
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	7.393.472
	377.067.077

3.7 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3.8 Vốn góp của nhà đầu tư

Các giao dịch về vốn:

	2010
	VNĐ
Vốn góp đầu kỳ	-
Vốn tăng trong kỳ	240.437.600.000
Vốn giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	240.437.600.000

Quỹ được phép phát hành 24.043.760 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM**MẪU SỐ B 04 - QĐT****THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)****3.9 Kết quả hoạt động chưa phân phối****Giai đoạn từ
ngày 2.4.2010 đến
ngày 31.12.2010
VNĐ**

Số dư đầu kỳ	-
Lỗ trong kỳ	(19.010.504.231)
Số dư cuối kỳ	(19.010.504.231)

3.10 Phí và chi phí khác**Giai đoạn từ
ngày 2.4.2010 đến
ngày 31.12.2010
VNĐ**

Phí đăng ký thành lập Quỹ	35.000.000
Công tác phí của Ban Đại diện Quỹ	244.706.252
Phí môi giới bán chứng khoán	396.554.208
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.11(iii))	156.541.667
Chi phí khác	114.965.764
	947.767.891

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010****3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)****3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây đã được thực hiện với các bên liên quan.

i) *Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ*

**Giai đoạn từ
ngày 2.4.2010 đến
ngày 31.12.2010
VNĐ**

Phí quản lý Quỹ 3.352.066.711

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thưởng hoạt động.

ii) *Ngân hàng Far East National Bank – CN TP. Hồ Chí Minh (“FENB”), ngân hàng giám sát*

**Giai đoạn từ
ngày 2.4.2010 đến
ngày 31.12.2010
VNĐ**

Phí lưu ký, giám sát Quỹ 67.041.335

Quỹ đã chỉ định FENB làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản lý tài sản hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không bốn phần trăm (0,04%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng. Theo công văn số 12354/BTC-CST ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành về luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT), kể từ tháng 9 năm 2010, phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT là 10%.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

**Giai đoạn từ
ngày 2.4.2010 đến
ngày 31.12.2010
VNĐ**

Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	156.541.667
------------------------------	-------------

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2010
	%
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	83,26
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	82,93
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	82,93
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	0,00
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	0,22
6. Tỷ lệ các loại chứng khoán khác/Tổng tài sản	0,12
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	12,33
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	0,00
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	-6,20
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	2,20

II. Các chỉ số thị trường

	2010
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	24.043.760
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối kỳ	0,12
3. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	20,82
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	9.209

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2010
(NGÀY THÀNH LẬP QUỸ) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 10 tháng 2 năm 2011, giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tăng 12.789.167.274 đồng lên 234.216.263.043 đồng so với giá trị ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 2 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 15 tháng 2 năm 2011.



Võ Thị Kim Phượng
Deputy Operation Manager

Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Bà Lê Thị Thành Tâm
Giám đốc Tài chính



Ngân hàng Far East National
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

JEFFREY LIU
General Director



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư
Việt Nam
Ông Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc